TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Chính.
2. Ông Nguyễn Vinh Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST–HNGĐ ngày 25/7/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm Minh Thắng, xã Qu B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Chế Việt L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm Minh Thắng, xã Qu B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đậu Thị H trình bày: Chị và anh Chế Việt L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu B ngày 06/5/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy

ra cãi vã, không có tiếng nói chung, anh L không quan tâm đến việc chăm sóc con, mâu thuẫn về kinh tế. Chị và anh L nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, bố mẹ hai bên cũng có khuyên bàn, hòa giải nhưng không được. Chị và anh L hiện đang sống ly thân. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Vợ chồng chị có 01 (một) con chung Chế Nhật M, sinh ngày 02/10/2019. Ly hôn, chị xin được nuôi con vì con còn nhỏ dưới 36 tháng, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Chế Việt L trình bày: thống nhất với chị H về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, có xảy ra cãi vã do chị H đi sớm về khuya và có những hành động không rõ ràng khiến cho anh có sự nghi ngờ, ngoài ra chị H còn có mâu thuẫn với gia đình anh. Anh và chị H đã nói chuyện tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì đang còn tình cảm với chị H. Anh và chị H không ai có con riêng, có 01 (một) con chung Chế Nhật M, sinh ngày 02/10/2019. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm công việc nhận giao hàng, thu nhập hàng tháng từ 16.000.000đồng đến 23.000.000đồng, nhưng hiện tại anh không có tài liệu để nộp cho Tòa án. Chị H yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý. Tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Qu B thể hiện: Chị H và anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm Minh Thắng, xã Qu B. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ vì không qua hòa giải tại cơ sở, qua nắm bắt thông tin thì do khó khăn về kinh tế, không tin tưởng nhau. Nay chị Huệ yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tống đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của Thẩm phán hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định pháp luật trong quá trình xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử hai lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản

3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân cho chị Đậu Thị H được ly hôn anh Chế Việt L. Về con chung: Giao con Chế Nhật M, sinh ngày 02/10/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đồng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tài sản chung: không giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Chế Việt L có đăng ký hộ khẩu tại xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Chế Việt L đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp, tuân thủ điều kiện pháp luật quy định (Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2019). Các bên đương sự thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do khó khăn kinh tế, không tin tưởng nhau, hiện nay đang sống ly thân và không tìm được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn. Tòa án tiến hành hòa giải để các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm nhưng chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh L tha thiết xin được đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, đời sống chung không thể tiếp tục. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung Chế Nhật M, sinh ngày 02/10/2019. Chị H, anh L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên hiện nay cháu M còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như quy định của pháp luật về việc nuôi con dưới 36 tháng, nên giao con chung Chế Nhật M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có công việc, có thu nhập, nên buộc anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, 147, 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đậu Thị H và anh Chế Việt L.

2. Về con chung: Giao con Chế Nhật M, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Đậu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Chế Việt L cấp dưỡng nuôi con cùng chị Huệ mỗi tháng 1.500.000đồng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Chế Việt L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đậu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn

đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0007904 ngày 23/6/2022. Anh Chế Việt Long phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Qu B (nơi ĐKKH 2019);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hải Yến